4 Chiến lược
tạo nơi làm việc an tâm
không lo tai nạn

11. 2010

고용노동부
Ministry of Employment and Labor

BỘ LAO ĐỘNG

Thứ tự

I. Bối cảnh đề xuất ····· 1

II. Hiện trạng tổng quan phát sinh tai nạn ····· 2

III. 4 chiến lược lớn để xây dựng nơi làm việc an toàn ····· 5

1. [Chiến lược 1] Đưa ra giải pháp dự phòng theo đúng 6 lĩnh vực phát sinh tai nạn ····· 6

2. [Chiến lược 2] Thiết lập cơ sở an toàn lao động ở các doanh nghiệp trung và nhỏ ····· 9

3. [Chiến lược 3] Tăng cường ứng phó với nguyên nhân gây ra bệnh nghề nghiệp mới ·· 11

4. [Chiến lược 4] Mở rộng văn hóa tiên tiến an toàn lao động công nghiệp ····· 13

I Bối cảnh đề xuất

❍ Bất kể những nỗ lực trong việc phòng tránh tai nạn, tỷ lệ tại nạn lao động vẫn đứng ở vị **trí 0.7% trong 10 năm gần đây**.

❍ Trong năm nay, triển khai nổ lực nhằm giảm **tỷ lệ tai nạn 0.6%** trong lĩnh vực an toàn lao động.

❍ Đặc biệt triển khai và thực thi Kế hoạch tập trung 100 ngày phòng tránh tai nạn để giảm thiểu tai nạn lao động đang gia tăng đột biến trong **nửa quý đầu năm nay.**

- Chọn 100 ngày từ ngày 7/6/2010 đến ngày 14 tháng 9 là "thời gian tập trung giảm thiểu tai nạn lao động" và trong năm nay tập trung kiểm tra trên 50%.
- Số người bị tai nạn vào cuối tháng 9/2010 giảm so với cùng tháng năm ngoái vào thời điểm triển khai kế hoạch 100 ngày (tháng 4).

※ Số người bị tai nạn so với cùng tháng năm ngoái vào tháng 4 là 8.6%↑→ tháng 9 là 1.2%↑ **(Giảm 7.4%)**

< Tình hình phát sinh tai nạn vào tháng 9/2010 so với tháng 4/2010>

Phân loại		Số người lao động (Nghìn người, %)	Số người bị hại (Người)	Tỷ lệ tai nạn (%)	Số người chết (người)	Tỷ lệ tử vong (-)	Số ngày tổn thất lao động (ngày)
9	9/ 2010	14,432,000 người	66,321	0.46%	967	0.67	31,156,293
	9/ 2009	14,148,000 người	65,526	0.46%	1,049	0.74	30,175,962
	Tăng giảm (%)	284,000 người (2.0%)	795(1.2%)	0.00%p (0.0)	-82(-7.8)	-0.07(-9.5)	980,331
4	4/ 2010	13,817,000 người	29,144	0.21%	416	0.30	12,586,662
	4/ 2009	13,410,000 ngươi	26,836	0.20%	454	0.34	11,431,849
	Tăng giảm(%)	407,000 người(3.0%)	2,308(8.6%)	0.01%P (5.0)	-38(-8.4)	-0.04 (-11.8)	1,154,813

※ Số người lao động tháng 9.2010 được áp dụng công thức thống kê tháng ngày 8.2010.

❍ **Hạn chế giảm thiểu tỷ lệ tai nạn** nếu **dùng giải pháp ngắn hạn**, cần phải đưa ra những phương án giải quyết bắt nguồn từ nguyên nhân phát sinh các tai nạn.

❍ Cần đưa ra **giải pháp giảm tai nạn lao động mang tính trung hạn** nhằm **duy trì xu thế giảm tai nạn một cách ổn định** hơn là hiệu quả giảm tai nạn tạm thời.

II Hiện trạng tổng quan phát sinh tai nạn

1 Tại nạn thông thường

❍ Tổng số người thiệt hại vào thời điểm tháng 9/2010 là tăng 0.4% so với cùng tháng năm ngoái, số người bị tai nạn tăng 1.2%(Những thống kê sau này đều là tai nạn do lao động)

- Số ngảy tổn thất lao động tăng 2.1%(Ngày tổn thất lao động 3.2%) so với cùng tháng năm ngoái.

Phân loại	Số cơ sở kinh doanh (Số)	Số người lao động (Người)	Số người bị tai nạn(người) (Do tai nạn)	Tỷ lệ tai nạn (%)	Số người tử vong(người) (Do tai nạn)	Tỷ lệ tai nạn lao động (người) (Do tai nạn)	Số ngày tổn thất lao động(ngày) (Do tai nạn)
9/2010	1,552,633	14,432,463	72,080(66,321)	0.50	1,592(967)	1.10(0.67)	39,309,379 (31,156,293)
9/2009	1,555,293	14,148,794	71,760(65,526)	0.51	1,653(1,049)	1.17(0.74)	38,487,953 (30,175,962)
Tăng giảm	-2,660	283,669	320(795)	-0.01	-61(-82)	-0.07(-0.07)	821,426 (980,331)

❍ Lĩnh vực có tỷ lệ tại nạn lao động cao nhất so với **năm trước** là **lĩnh vực xây dựng**(theo ngành nghề)**, 5~9 người**(theo quy mô)**, tại nạn do trượt ngã**(theo hình thức phát sinh tai nạn)

- **(Theo ngành nghề)** Tăng ở lĩnh vực xây dựng trường học và các trung tâm mua sắm có quy mô 300 triệu , giảm ở lĩnh vực dịch vụ kế hoạch trong 100 ngày

* Ngành dịch vụ thì giảm sau kiểm tra hoạt động (Chọn nơi kinh doanh dịch vụ có 50% là đối tượng kiểm tra,tổ chức hội thảo cho đối tượng tốc chức chức năng)

- (**Theo quy mô)** Cơ sở kinh doanh có quy mô từ 5~9 người có tỷ lệ gia tăng tai nạn lao động cao, tăng 1,843 người(18,4%) so với cùng tháng năm trước(9,993 người).
- **(Theo hình thức)** Trong 3 hình thức phát sinh tai nạn(trượt ngã, mắc kẹt, bị rơi) thì **tai nạn phát sinh do trượt ngã** tăng cao 830 người(5.6%) so với cùng tháng năm trước(14,908 người).

< So sánh về số người bị tai nạn theo từng lĩnh vực so với năm ngoái >

Theo ngành				Thoe quy mô				Theo hình thức			
Phân loại	9/2010	9/2009	±	Phân loại	Tháng 9/2010	Tháng 9/2009	Tăng	Phân loại	9/2010	9/2009	Tăng
Dịch vụ	22,533	22,975	-442	Dưới 5 người	21,036	23,108	-2,072	trượt ngã	15,738	14,908	**830**
Chế tạo	22,712	22,050	662	**5-9 người**	11,836	9,993	**1,843**	Mắc kẹt	12,343	11,646	697
Xây dựng	15,520	14,328	**1,192**	Trên300 người	4,837	3,597	1,240	Bị rơi	10,075	9,836	239

2 Tai nạn tử vong do tai nạn.

❍ **(Quản lý chung) Số người tử vong do tai nạn lao động cho đến cuối tháng 9 năm 2010 giảm 7.82% (82 người) so với cùng tháng năm ngoái** (tháng 9/2009: 1,049 người→Tháng 9/2010: 967 người)

※ Tỷ lệ tử vong giảm 0.07% so với cùng tháng năm ngoái (tháng 9/2009: 0.74→tháng 9/2010: 0.67)

❍ **(Theo ngành nghề)** Trong tổng số người bị tử vong do tai nạn (967 người): lĩnh vực xây dựng (378 người). Lĩnh vực sản xuất (304 người). Lĩnh vực dịch vụ (179 người), chiếm tổng số tai nạn là 89%(861 người).

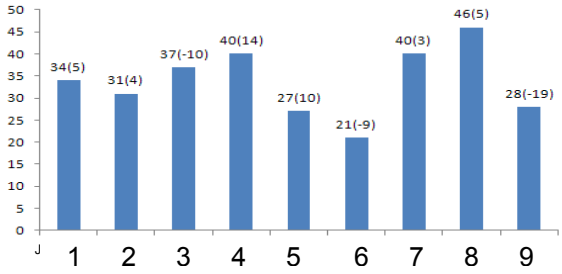
- **(Ngành sản xuất)** Tăng tổng cộng 3 người **so với cùng tháng năm ngoái**, Số người tử vong theo tháng tăng đột biến vào tháng 7 ~8 và giảm mạnh vào tháng 9.

▶ Tai nạn tử vong trong lĩnh vực xây dựng, tai nạn xảy ra do rò rỉ oxy, nổ, và chạm, bị kẹt..

< Số người tử vong theo loại hình kinh doanh (người) >

Theo loại hình kinh doanh			
Phân loại	**Tháng 9 năm '10**	**Tháng 9 '09.**	**Tăng hoặc giảm**
Sản xuất	304	301	3
Xây dựng	378	400	-22
Xây dựng	179	228	-49

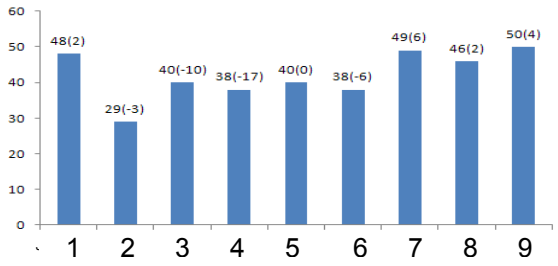
< Số người tử vong theo tháng trong lĩnh vực chế tạo (người)>



* ( ) Số tăng hoặc giảm so với cùng tháng năm ngoái

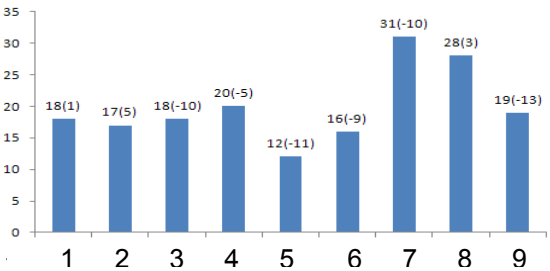
- **(Lĩnh vực xây dựng)** Giảm tổng số 20 người **so với cùng tháng năm trước** từ sau tháng 2, số lượng người tử vong gia tăng đột biến.
- **(Lĩnh vực dịch vụ)** Giảm tổng số 49 người **so với cùng tháng năm trước**, tiếp tục duy trì xu thế giảm, số người tử vong theo tháng tăng từ tháng 7~tháng 8 và giảm vào tháng 9.

< Xu hướng số người tử vong trong lĩnh vực xây dựng (người)>



* ( )Số giảm hoặc tăng so với cùng tháng năm ngoái

< Xu hướng số người tử vong trong lĩnh vực dịch vụ (người) >



* ( )Số tăng hoặc giảm so với cùng tháng năm ngoái

※ Tham khảo "Phân tích những vấn đề nổi bật và hiện trạng phát sinh tai nạn lao động" trong tài liệu kèm theo.

3 Tổng trạng số tai nạn lao động tháng 12 năm 2010

❍ Xu thế tai nạn lao động từ cuối tháng 9 năm 2010 cho đến cuối năm dự tính là **97,922 người(số người tử vong do tai nạn là 1,311 người).**

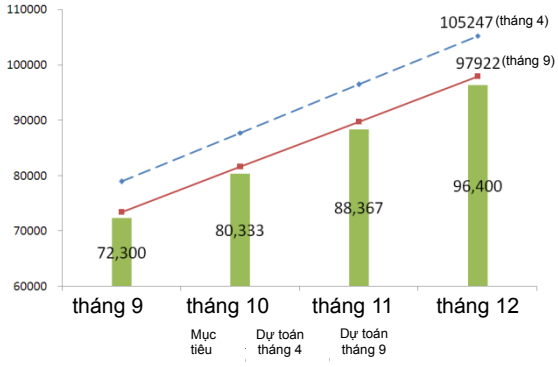
- Dự tính cuối năm nay số người bị tai nạn tăng 101 người(0.1%) so với năm ngoái(97,821 người).Số người bị tai nạn có xu hướng giảm 90 người (6.4%) so với năm ngoái (1,401 người).

❍ Kết quả thống kê được vào tháng 9 năm 2010 giảm 7.0%(7,325 người) so với kết quả thống kê được vào cuối tháng 4, giảm 2.5%(32 người) số người tử vong do tai nạn lao động.

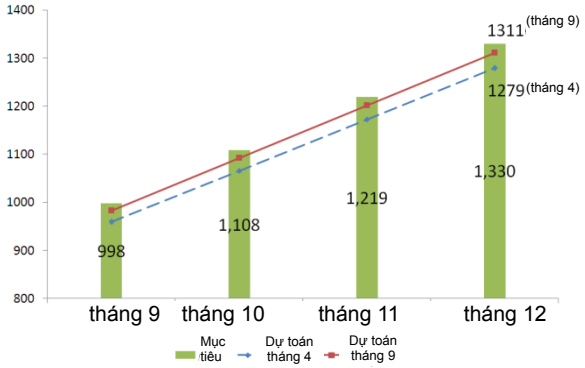
< Tổng trạng số người tử vong do tai nạn và số người bị tai nạn vào tháng 12 năm 2010>

Phân loại	Tháng1	Tháng2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9		Tháng 12.	Tỷ lệ tai nạn(%) Tỷ lệ tai nạn
Tổng trạng vào tháng 4 (tử vong do tai nạn)	7,944 (111)	15,198 (199)	23,374 (306)	31,837 (415)	-	-	-	-	-	…	105,247 (1,279)	0.76 (0.93)
Tổng trạng vào tháng 9 (tử vong do tai nạn)	7,944 (111)	15,198 (199)	23,374 (306)	31,837 (415)	39,446 (500)	48,035 (589)	57,199 (726)	65,200 (806)	71760 (967)	…	97,922 (1,311)	0.68 (0.91)
Mục tiêu											96,400 (1,330)	0.69 (0.96)

< Kết quả thống kê số người tai nạn >



< Kết quả thống kê số người tử vong do tai nạn >



❍ Kết quả điều tra **số người bị tai nạn** vào cuối tháng 9 năm 2010 giảm hơn **so với tháng 4** nhưng vẫn ở mức cao1.6%(1,522 người) so với **mức mục tiêu(96,400 người).**

- Kết quả điều tra số **người tử vong do tai nạn** vào cuối tháng 9 năm 2010 cao 2.5%(32 người) **so với kết quả đo được vào cuối tháng 4** và cho thấy ở mức thấp hơn 1.4%(19 người) so với mức mục tiêu.

Ⅲ 4 chiến lược lớn để xây dựng nơi làm việc an toàn

Nhiệm vụ

Nơi làm việc an toàn, người lao động có sức khỏe tốt, đất nước hạnh phúc

Mục tiêu năm '12

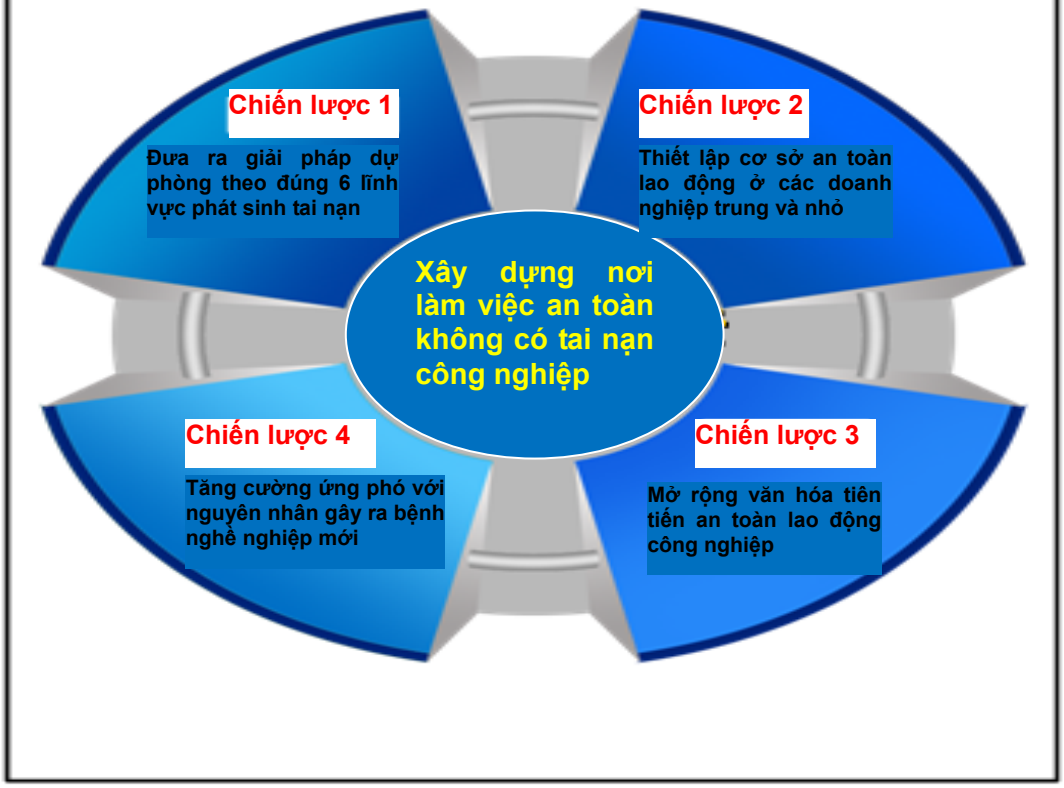
- **Giảm 15% tỷ lệ tử vong do tai nạn do lao động (từ 2010 mỗi năm giảm △5%)**

- Năm 2009: 1.01(1,401 người)→Năm 2010: 0.96(1,331 người)→ Năm 2011: 0.91(1,264 người)→Năm 2012: 0.87(1,201người)

- **Giảm số ngày tổn thất lao động 15% (Năm 2010 △3%→ Năm 11 △8%→Năm 2012 giảm △15%)**

-Năm 2009: 501 triệu ngày→Năm 2010: 50 triệu ngày→ Năm 2011: 407 triệu ngày→ Năm 2012: 403 triệu ngày

Chiến lược 4 mục tiêu



1 Đưa ra giải pháp dự phòng theo đúng 6 lĩnh vực phát sinh tai nạn

【 Hiện trạng và những vấn đề nổi bật 】

◈ **(Dịch vụ)** Số người bị tai nạn tại các cơ sở lưu trú lữ hành. Ăn uống, phúc lợi xã hội và an toàn vệ sinh, quản lý tòa nhà chiếm khoảng 44.9% trong tổng số tai nạn và tai nạn nấu ăn. Nuôi dưỡng, chăm sóc người già tăng đột biến.

◈ **(Chế tạo ô tô · Chế tạo sắt)** Trong 3 ngành liên quan* Số người bị tai nạn chiếm 38.5%, chiếm tỷ lệ cao nhất (7.7%) tại các cơ sở kinh doanh có từ 50~299 người.
*Chế tạo máy móc vận chuyển, chế tạo máy, chế tạo sản phẩm kim loại/ phi kim loại(Số người bị tai nạn:8/2009: 7,248 người→ 8/2010: 7,849 người)

◈ **(Xây dựng)** Tỷ lệ tăng (26.5%) tại các cơ sở xây dựng có quy mô trên dưới 2 tỷ Won cao và nguyên nhân tai nạn xảy ra ở các hiện trường thi công cá nhân có quy mô nhỏ và nơi cư trú tập trung.

◈ **(Đóng tàu)** Tỷ lệ tai nạn trong ngành đóng tàu(0.73%) cao hơn 1.6 lần so với tai nạn trong ngành điện toán(0.46%)

◈ **(Hóa học)** Phát sinh tai nạn rò rỉ khí- nổ- hỏa hoạn tại các hiện trường sử dụng chất hóa học chưa ứng dụng chế độ quản lý an toàn hiện trường (PSM)

※ Nguồn: Thống kê tỷ lệ phát sinh tai nạn vào tháng 9 năm 2010

1 (Dịch vụ) Tăng cường hệ thống hợp tác giữa các cơ quan hữu quan và tiêu chuẩn phòng tránh tai nạn lao động

❍ Phổ cập và khai thác phương châm an toàn. An toàn trong từng lĩnh vực nguy hiểm và thiết bị tiêu chuẩn phản ảnh đặc trưng nguy hiểm lĩnh vực dịch vụ tại các **quy định vệ sinh · an toàn**.

❍ Tăng cường nghĩa vụ các phương pháp vệ sinh an toàn tại các dịch vụ và cơ sở kinh doanh.

- Tăng cường **nghĩa vụ giáo dục vệ sinh an toàn đối với người lao động** trong lĩnh vực dịch vụ.
- Để bảo vệ người lao động được cử đến nơi khác làm việc , cần phải xem xét **phương án nghĩa vụ an toàn một cách có quy mô lớn** tại các siêu thị- bách hóa lớn.

❍ **Thiết lập hệ thống hợp tác với các cơ quan hữu quan. Ban ngành liên quan.** Triển khai ban ngành phòng tránh tai nạn lao động cộng đồng.

【 Ví dụ về các cơ sở kinh doanh hợp tác 】

◈ (Bộ giáo dục) Kiểm tra chung về vệ sinh an toàn thiết bị an toàn ở trường học và sở giáo dục.

◈ (Sở cảnh sát) Giảm tai nạn giao thông do tai nạn giao thông bằng việc nghĩa vụ hóa áp dụng phương án bảo vệ người đưa hàng.

◈ (Hiệp hội doanh nghiệp trung và nhỏ) Lựa chọn doanh nghiệp tiêu biểu trong việc phòng tránh tai nạn khi lựa chọn「Dự án hỗ trợ đúng loại theo tiêu chuẩn cửa hàng cùng thương hiệu」của 'Viện phát triển doanh nghiệp nhỏ' thuộc hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ.

◈ (Đoàn thể tự trị) Hợp tác phòng tránh tai nạn tại các nhà hàng- dịch vụ vệ sinh an toàn-lĩnh vực làm vệ sinh.

◈ (Cơ quan bảo hiểm y tế quốc dân) Giáo dục phòng tránh tai nạn cho người chăm sóc người già và kiểm tra an toàn các thiết bị.

❍ Phản ánh quy định **thực hiện nghĩa vụ hóa giáo dục an toàn người lao động** ở quá trình giáo dục pháp luật về lĩnh vực dịch vụ thực hiện theo pháp lệnh **phán xét của bộ phận khác**.

- Bổ sung giáo dục vệ sinh an toàn vào giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm(luật vệ sinh an toàn thực phẩm), giáo dục an toàn thiết bị(Luật cư trú), giáo dục lương của chuyên gia dĩnh dưỡng (pháp lệnh quản lý dinh dưỡng toàn dân)..

❍ Triển khai **các hoạt động phòng tránh tai nạn, sử dụng vai trò của các đoàn thể trực tiếp** như các dịch vụ, tổ chức phúc lợi xã hội, y tế, cơ sở lưu trú lữ hành/ ăn uống/ quản lý tòa nhà.

2 (Chế tạo ô tô·sắt) Tăng cường hoạt động phòng tránh tai nạn cộng đồng tại các doanh nghiệp liên doanh và công ty chính.

❍ Kiểm tra đưa vào sử dụng chế độ nộp kế hoạch phòng trừ tai nạn nguy hiểm tại các cơ sở kinh doanh ô tô và sắt.

- **Bao gồm các đối tượng đăng ký trong kế hoạch phòng tránh nguy hiểm độc hại của** ngành công nghiệp chế tạo kim loại (công nghiệp sắt), chế tạo ô tô và xe toa móc(công nghiệp ô tô).

❍ Thiết lập và thi hành **kế hoạch hoạt động phòng tránh tại 700 doanh nghiệp** phát sinh tai nạn nhiều nhất.

- Lựa chọn các doanh nghiệp có số lượng tai nạn phát sinh nhiều nhất trong 3 năm gần đây.(**Công ty chính và công ty phụ)**

❍ Thực hiện ' **quản lý doanh nghiệp hợp tác**' hoạt động quản lý an toàn ở công ty chính, liên kết hệ thống kinh doanh vệ sinh an toàn giữa **công ty chính và doanh nghiệp hợp tác.**

- Đưa vào sử dụng hệ thống kinh doanh vệ sinh an toàn tại các công ty liên doanh và công ty mẹ có quy mô kinh doanh trên 300 người, hỗ trợ kinh phí tư vấn hệ thống kinh doanh vệ sinh an toàn tại các cơ sở kinh doanh có quy mô từ 50 đến 100 người.

❍ Thực hiện tư vấn bằng điện thoại về các giải pháp phòng tránh tai nạ tại các cở sở kinh doanh có quy mô trên dưới 50 người.

- Cơ sở kinh doanh phát sinh tai nạn trong số 3 lĩnh vực lớn nhất* liên quan đến xe ô tô, cơ sở kinh doanh phát sinh tai nạn ở 10 máy móc lớn nhất (Máy nguy hiểm)**

* ① Ngành chế tạo máy móc thùng vận chuyển, ② Máy móc ngành sản xuất, ③ Ngành chế tạo sản phẩm kim loại và phi kim loại.

** ① Máy dập khuôn và máy cắt, ② Máy cắt và máy chế tạo dụng cụ, ③ Máy gia công gỗ, ④ Máy móc thiết bị chế tạo thực phẩm, ⑤ Máy gia công khuôn mẫu, ⑥ Máy móc sản xuất da, quần áo, cotton, ⑦ Thiết bị lắp, đóng gói, hàn, ⑧ Máy móc thiết bị nâng hàng hóa như là xe cần cẩu, ⑨ Băng chuyền tải, ⑩ chất hóa học, máy móc gia công đất làm gốm.

- Các chuyên gia an toàn tư vấn các hoạt động phòng tránh tại nạn theo **bảng kiểm tra tư vấn phòng tránh tai nạn** và đưa ra phương án hỗ trợ phòng tránh tai nạn(tập trung phòng tránh tai nạn bị kẹt).

3 (Xây dựng) Đẩy mạnh trách nhiệm của chủ đầu tư và vai trò công trường xây dựng quy mô nhỏ.

❍ Đẩy mạnh **hoạt động phòng tránh tai nạn ở công trường** xây dựng có quy mô vừa và nhỏ.

- Trong số nhà dưới 300 triệu Won~ 2 tỷ Won như nhà nhỏ 1 phòng, chung cư, cơ sở bảo trì, cửa hàng nhỏ, xây nhà dưới 300 triệu Won và công trường xây dựng khác.
- Tai nạn xảy ra tập trung ở các công trường (Tổng số 213 khu vực, 5,835 công trường xây dựng).

❍ Tăng cường trách nhiệm an toàn sức khỏe của bên mời thầu và tăng cường thiết kế cơ bản.

- Quan tâm đến tiêu chuẩn **an toàn thiết kế**- kế hoạch xây dựng để đảm bảo an toàn tại các giai đoạn thầu.
  - ※ Bộ tài nguyên đất đai tham gia với các chuyên gia về an toàn khi đánh giá mức độ hợp lý của ủy ban tư vấn thiết kế (Hội ý với bộ tài nguyên và đất đai).
- Nghĩa vụ hóa việc chỉ định người quản đốc quản lý an toàn trong số các người quản đốc, nghĩa vụ hóa việc thực hiện kiêm tra tính an toàn của các chuyên gia trước khi nhà đầu tư hoàn thành thiết kế. (Hội ý với Bộ tài nguyên và đất đai)
- Quan tâm đến nguyên do yêu cầu thay đổi thiết kế thi công đối với phần nguy hiểm (Sửa đổi luật công nghiệp)

❍ Xem xét phương án thống nhất chế độ kiểm tra tính năng cần cẩu xây dựng, phân chia thành luật công nghiệp và luật an toàn kỹ thuật. (Hội ý với Bộ tài nguyên và đất đai)

4 (Đóng tàu) Đẩy mạnh tiêu chuẩn an toàn và giám sát trong những công việc nguy hiểm.

❍ Cải tiến tiêu chuẩn an toàn phù hợp với đặc tính nguy hiểm độc hại của ngành đóng tàu.như tiêu chuẩn chứng nhận an toàn vật thể, vật liệu và tiêu chuẩn **lựa chọn người quản lý an toàn**.

- Cải tiến quy định liên liên quan đến tiêu chuẩn an toàn hiện hành và phản ảnh đặc tính nguy hiểm của việc đóng tàu.

❍ Đẩy mạnh việc quản lý – kiểm tra hoạt động an toàn sức khỏe tại doanh nghiệp hợp tác và và công ty chính.

5 (Hóa học) Mở rộng đối tượng áp dụng quản lý an toàn công trường (PSM) và tăng cường đánh giá.

❍ Kiểm tra các cơ sở kinh doanh đang sử dụng chất hóa học ở trong nước, mở rộng dần dần trong số 21 chủng loại chất hóa học ứng dụng PSM, giải quyết ô zôn chết.

※ Năm 2014 đạt tiêu chuẩn EU (38 chủng loại), năm 2015 đạt tiêu chuẩn của Mỹ (137 chủng loại)

❍ Đẩy mạnh đánh giá an toàn báo cáo an toàn công trường ứng dụng PSM.

2 Thiết lập cơ sở an toàn lao động ở các doanh nghiệp trung và nhỏ

【 Hiện trạng và các vấn đề nổi bật 】

◈ Khoảng 81% của tổng số thiệt hại đều phát sinh từ các công ty có quy mô nhỏ có khả năng tự phòng tránh tai nạn còn kém.
- Không có chuyên gia, hệ thông thực hiện nhiệm vụ quản lý an toàn sức khỏe.

◈ Hạn chế giảm thiểu tai nạn ở doanh nghiệp phòng tránh tại nạn do chính phủ chỉ đạo.
- Tăng cao đối tượng hành chính, đa dạng hóa hình thức tuyển dụng- lao động và giới hạn ngân sách và nhân lực
  ※ Mở rộng đối tượng ứng dụng bảo hiêm tai nạn lao động năm 2001 (Tiêu chuẩn: trên 5 người→mở rộng: trên một người).

◈ Còn thiếu sót trong hệ thống hỗ trợ hoạt động phòng tránh tai nạn tại các công ty trung và nhỏ.

6 Hỗ trợ cải tiến các yếu tố còn thiếu sót đối với tai nạn ở các công ty trung và nhỏ

❍ Thiết lập đoàn kiểm tra hỗ trợ quản lý nguy hiểm ở các cơ sở kinh doanh có quy mô nhỏ, đoàn kiểm tra an toàn và hỗ trợ tư vấn thiết lập hệ thống đánh giá tính nguy hiểm sau khi nhận được đăng ký từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Các cơ sở kinh doanh nhận đăng ký tư vấn sẽ được tư vấn việc cải thiện các nhân tố nguy hiểm - độc hại và tiếp theo là hỗ trợ vốn cải thiện thiết bị, hình thành trung tâm làm vệ sinh.

❍ Xúc tiến các chương trình giáo dục để nâng cao năng lực đánh giá độc hại cho cán bộ liên quan trong cơ sở kinh doanh.

❍ Tuyên truyền·phát hiện các đối tượng điển hình trong việc cải tiến các yếu tố thiếu sót trong an toàn lao động.

7 Hỗ trợ hoạt động và đào tạo nhóm trưởng an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

❍ Hỗ trợ hoạt động phòng tránh tai nạn và chỉ định nhóm trưởng phụ trách quản lý an toàn ở các cơ sở kinh doanh dưới 50 người không có nghĩa vụ bổ nhiệm người quản lý an toàn sức khỏe.

- Nhóm trưởng phụ trách quản lý an toàn sẽ đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý an toàn sức khỏe trong cơ sở kinh doanh, thực hiện kế hoạch đào tạo cho những người lao động được đề cử từ người chủ doanh nghiệp.

❍ Xem xét phương án đưa ra phụ cấp cho các doanh nghiệp tiêu biểu trong hoạt động phòng tránh tai nạn lao động có nhóm trưởng phụ trách quản lý an toàn.

8 Mở rộng các dịch vụ giáo dục sức khỏe- an toàn lao động

❍ **(Mở rộng nhu cầu) Đào tạo chuyên gia** để có thể đảm nhiệm công việc và tăng cường hoạt động giáo dục an toàn cho người lao động.

- Đào tạo **500 nghìn nhóm trưởng quản lý an toàn** tại các công ty trung và nhỏ, nghĩa vụ hóa **chế độ giáo dục an toàn sức khỏe người lao động(bước đầu giáo dục an toàn**).
- **Đẩy mạnh giáo dục an toàn** sức khỏe bằng cách giáo dục đặc biệt, giáo dục định kỳ, giáo dục thường xuyên cho người lao động trong công ty.

❍ **(Cải thiện cơ sở hạ tầng giáo dục) Phát triển an toàn sức khỏe** cá nhân và mở rộng vai trò đào tạo.

- Đào tạo phát triển các trường đại học, cơ sở giáo dục tư nhân, viện nghiên cứu thành **trung tâm giáo dục.**

  ※ **Công đoàn an toàn** thực hiện vai trò giáo dục cộng đồng – giáo dục ở các lĩnh vực khó cho thay cơ quan giáo dục dân lập khó thực hiện môt mình, đào tạo giảng viên, các chươgn trình giáo dục và tư liệu giảng dạy.

9 Kiểm tra phí bảo hiểm tai nạn lao động ở các doanh nghiệp tiêu biểu trong an toàn sức khỏe.

❍ **Áp dụng chế độ giá cả trong việc phòng tránh tai nạn lao động** ở luật bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động.

- Đánh giá hoạt động an toàn sức khỏe ở các cơ sở kinh doanh uy mô nhỏ dưới một quy mô nhất định, **ứng dụng bảo hiểm tai nạn lao động.**
- Vận hành T/F cải thiện chế độ để đưa vào sử dụng chế độ giá cả phòng tránh tai nạn lao động (đến tháng 12 năm 2010).

10 Cải tiến hệ thống dịch vụ thực hiện thay quản lý an toàn lao động và sức khỏe

❍ **(Phương hướng căn bản)** Nâng cấp các cơ quan thực hiện thay việc quản lý an toàn sức khỏe thành cơ quan tư vấn tổng hợp.

- (**Chuyên môn hóa)** Phát hiện và đánh giá trước các nguyên nhân phát sinh tai nan về người và vật chất, **mở rộng tính chuyên môn** cần thiết trong việc đưa ra phương án cải tiến.
- **(Đa dạng hóa)** Bỏ qua những vấn đề nhỏ của các cơ quan, quan tâm đến việc tự mình có thể chuyên môn hóa- tổng hợp hóa.
- **(Tổng hợp hóa)** Cung cấp dich vụ tư vấn tổng hợp cải tiến- đánh giá- kiểm tra một cách tổng hợp hệ thống an toàn quản lý ở tại các cơ sở kinh doanh.

  ※ (Hiện hành) Quản lý thay an toàn/ y tế/ xây dựng việc quản lý an toàn xây dựng → (Cải tiến) Đánh giá- kiểm tra hệ thống quản lý an toàn sức khỏe ở các cơ sở kinh doanh(tư vấn)

❍ Nâng cao tiêu chuẩn an toàn sức khỏe và đẩy mạnh **vai trò đào tạo nguồn nhân lực cao** như là người lãnh đạo trong lĩnh vực an toàn lao động, đào tạo cơ quan theo mô lớn và trung bình.

3 Tăng cường ứng phó với nguyên nhân gây ra bệnh nghề nghiệp mới

【 Hiện trạng và vấn đề nổi bật 】

- ◈ Thực hiện chính sách phòng tránh bệnh nghề nghiệp đối với người lao động trong thời gian dài, áp lực công việc cao, những công việc liên quan đền áp lực tuần hoàn máu.
  - ※ Hàn quốc là đất nước duy nhất trong các nước OECD có thời gian lao động trong năm vượt quá 2000 giờ.
- ◈ Thiếu nhận thức về **chất hóa học gây ung thu**, tăng đột biến bệnh nghề nghiệp do **chất độc cấp tính** trong việc lưu chuyển tuần hoàn máu. Nhiễm độc tính (Năm 2008, có 22 bệnh nhân) cấp tính
- ◈ Ứng dụng tài liệu vệ sinh an toàn chất hóa học(MSDS) và thực hiện điều tra tính nguy hại của chất hóa học mới nhưng vẫn thiếu tính chính xác.
  - ※ Xác nhận sau khi nhận được tài liệu kiểm tra độc tính từ Bộ môi trường.

11 Cải thiện môi trường phát sinh bệnh nghề nghiệp ở người lao động làm việc trong thời gian dài.

❍ Quan tâm đến phương án tăng cường quản lý an toàn sức khỏe đối với các ngành nghề làm việc trong thời gian dài, lĩnh vực đặc biệt, chế độ làm việc theo ca.

❍ **Kiểm tra và đưa vào sử dụng chế độ nói chuyện với bác sỹ** về vấn đề lao động quá sức vào ngày nghỉ, làm đêm, kéo dài thời gian làm việc, thực hiện khám chữa bệnh đối với những người làm việc vào ban đêm,

❍ Triển khai **chiến dịch vận động cấm hút thuốc tại nơi làm việc và giảm áp lực trong công việc,**lựa chọn hút thuốc tại nơi làm việc và áp lực trong công việc là vấn đê chính

12 Hỗ trợ kỹ thuật tập trung ở công ty sử dụng chất hóa học gây ra các bệnh nghề nghiệp chính.

❍ **Hỗ trợ kỹ thuật để đánh giá công đoạn làm việc chính** sử dụng chất hóa học, **lựa chọn các chất hóa học chính** gây ra tử vong cũng như bệnh nghề nghiệp do bị trúng độc.

- Sử dụng tài liệu để đánh giá, đo lường môi trường làm việc, điều tra hoàn cảnh làm việc thực tại.

❍ Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng chất hóa học gây nên các bệnh nghề nghiệp chính

- **Lựa chọn các chất hóa học chính hàng năm** trong số các chất hóa học và hỗ trợ kỹ thuật tương ứng (500 công ty / năm)
- Sử dụng các phương pháp bảo hộ an toàn cá nhân, phương án giảm rò rỉ chất hóa học thông qua quản lý công đoạn làm việc và phương pháp lao động an toàn, thực hiện giáo dục MSDS

13 Cải tiến chế độ quản lý nước thải gây ung thư và nguy hiểm đến sức khỏe

❍ Đánh giá tính nguy hiểm- độc hại của các chất hóa học cũ và mới. Xây dựng [Hệ thống đánh giá tính nguy hiểm độc hại của các chất hòa học] bao gồm đối tượng quản lý theo luật pháp.

- Thực hiện một cách có hệ thống việc đánh giá tính nguy hiểm và chất hóa học gây độc hại và tăng cường hơn nữa việc quản lý nội dung, phương pháp , quy trình.

❍ Định nghĩa một cách chính xác các thuật ngữ chuyên ngành về chất độc hại gây ung thu, trường hợp cần có quản lý đặc biệt đối với những độc tố hại cần quản lý, chỉ định chung và các **chất hóa học quản lý đặc biệt**.

❍ Thống nhất các tiêu chuẩn phân loại, hệ thống biểu thị, phân loại chất hóa học gây ung thu **thành tiêu chuẩn và hệ thống phân loại GHS**, cải thiện thông tin gây ung thu theo tiêu chuẩn rò rỉ chất hóa học.

❍ Phân loại các chất hóa học độc hại, **cung cấp thông tin về các chất hóa học có tác nhân gây ung thu, cải tiến phương pháp tiếp cận thông tin và vân hành một cách có hệ thống chất độc hại theo pháp luật**.

14 Tăng cường hệ thống điều tra chất hóa học độc hại mới

❍ Cải thiện chế độ để nâng cao tính chính xác cá**c chất hóa học độc hại mới**

- Điều tra một cách chính xác tính độc hại và đưa ra **thông tin liên quan** đến những vấn đề phải lưu ý khi sử dụng cho **công ty nhập khẩu và công ty sản xuất**.

  * Tài liệu kiểm tra tính độc hại (9 loại) : Độc tính cấp tính (1 loại trong số do hít- dình qua da, nuốt), 2 loại độc tính mang tính di truyền (biến dạng đột ngột, kỳ thi về nhân sinh sản), 3 loại kích thích, mẫn cảm ở mắt.da, 3 loại gây độc cho môi trường .

4 Mở rộng văn hóa tiên tiến an toàn lao động công nghiệp

【 Hiện trạng và những vấn đề tiêu biểu 】

◈ Quy mô tổn thất về kinh tế do tại nạn lao động lớn hơn nhiều so với tai nạn giao thông(1.6 lần), tai nạn tự nhiên(16 lần) nhưng vẫn chưa được xã hội nhận thức một cách sâu sắc.

- Đang vận hành chế độ tăng chứng nhận không có tai nạn cho các doanh nghiệp không có tai nạn lao động phát sinh trong một thời gian nhất định nhưng vẫn chưa được nhận thức đúng.

◈ Không thể thực hiện được việc cải tiến an toàn vệ sinh lao động nếu không có sự nhận thức về vệ sinh an toàn.

15 Cải tiến chỉ số kết quả và phân tích thống kê thiệt hại lao động

❍ Hoạt dụng, đề ra thống kê tai nạn lao động đa dạng.

- Đề ra thống kê hiện tại về số ngày nghỉ theo tiêu chuẩn ngoài thống kê về những ngày nghỉ hiện tại, đa dạng hóa phương pháp thống kê tai nạn và đối chiếu giữa các quốc gia.

❍ Cải tiến chỉ số kết quả chính sách an toàn sức khỏe.

- Kiểm tra phương án bằng cách **cụ thể hóa số ngày thiệt hại lao động, số người tử vong do tai nạn(tỷ lệ tử vong**) về tình hình hiện tại số người bị tai nạn hiện tại.

16 Biểu dương những người tiêu biểu trong việc thực hiện phòng tránh tai nạn lao động "chuyên gia phòng tránh tai nạn lao động"

❍ Mở rộng văn hóa an toàn sức khỏe để tăng cường hơn nữa an toàn lao động, đưa ra những điển hình phát hiện những điển hình về vệ sinh an toàn lao động.

- Các cán bộ liên quan trong an toàn sức khỏe ở cơ sở kinh doanh, đoàn thể công đoàn, cơ quan và giáo sư đại học liên quan đến an toàn lao động công nghiệp.
- **Đưa ra các điển hình** về các cơ quan phòng tránh tai nạn lao động, phòng an toàn và ở tại các địa phương.
- Quảng bá trên TV những ví dụ tiêu biểu và tặng kỷ niệm chương của bộ trưởng bộ lao động tuyển dụng một tháng một lần“ **Phòng tránh tai nạn”.**

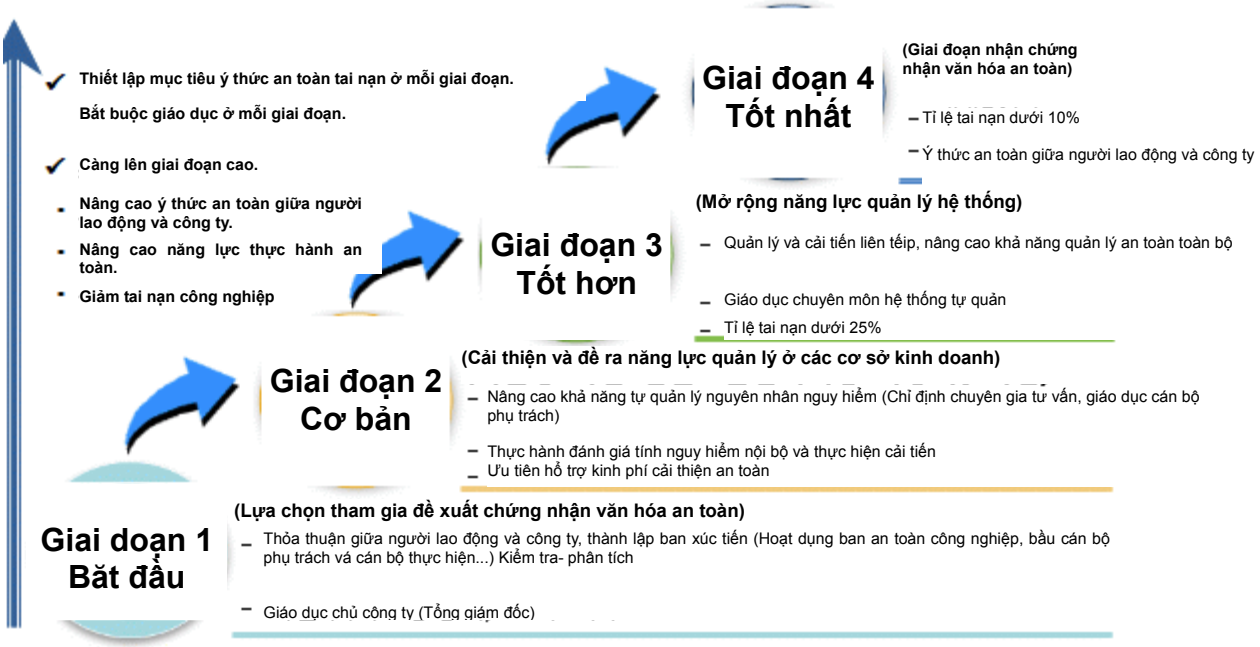
17 Thực hiện chế độ cấp chứng nhận văn hóa an toàn sức khỏe công nghiệp

❍ Phổ cập, khai thác **mô hình đánh giá văn hóa vệ sinh an toàn công nghiệp** theo quy mô·loại hình doanh nghiệp.

- Phản ánh hiện thực các cơ sở kinh doanh có tiêu chuẩn quản lý an toàn sức khỏe thấp, đưa vào sử dụng **hệ thống có thể tăng cường tiêu chuẩn theo giai đoạn.**

※ Phát hành chứng chỉ tham dự theo từng giai đoạn, cung cấp ưu đãi và phát hành chứng nhận 4 giai đoạn cuối.

< Hệ thống chứng chỉ văn hóa an toàn sức khỏe theo từng giai đoạn (Ví dụ)>



- Đánh giá tiêu chuẩn an toàn sức khỏe xem như là thực trạng tai nạn lao đọng- mức độ tiến hành- hệ thống quản lý an toàn sức khỏe, ngôn ngữ, tiêu chuẩn ý thức của người lao động và người chủ lao động..

18 Quảng bá Ubiqutous hướng tới thế hệ trẻ

❍ Triển khai chương trình **văn hóa vệ sinh an toàn** trực tiếp cho người chủ lao động, người lao đông, người dân thông qua sự phát triển của lĩnh vực IT.

- Triển khai trực tiếp thông tin vệ sinh an toàn qua Twitter (SNS social network) và triển khai triển dịch" 1 triệu twitter" để chia sẻ thông tin tới toàn bộ người dân.
- Sử dụng phần mềm học qua mạng (e- learning) phòng tránh nguy hiểm trên điện thoại smart phone.

❍ Triển khai 1 năm 1 lần **cuộc thi quản bá twitter vi dụ điển hình và nguy hiểm** thông qua web, twitter, blog cá nhân.

< Đính kèm>

Phân tích những vấn đề nổi bật và tình hình phát sinh tai nạn lao động năm 2010

1 Hiện trạng phát sinh tai nạn

1 Theo từng lĩnh vực lao động

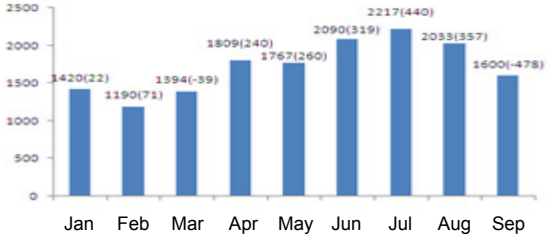
❍ **(Tổng quản) Chủ yếu tăng** trong lĩnh vực chế tạo, giảm trong lĩnh vực xây dựng.

❍ ❍ **(Lĩnh vực xây dựng)** Số người tử vong (15,520 người) từ tháng 1~9 năm 2010 tăng 8.3% so với cùng kỳ năm ngoái. Số người tử vong theo tháng(trừ tháng 3 và tháng 9) so với cùng kỳ năm ngoái tăng. Lý do trên được giả định gây ra do nguyên nhân thi công hiện trường trường học, trung tâm mua sắm có quy mô dưới 300 triệu.

< Hiện trạng số người tử vong theo ngành(Người) >

Theo ngành nghề			
Phân loại	**Tháng 9 '10**	**Tháng 9 năm '09**	**Tăng giảm**
Xây dựng	15,520	14,328	**1,192**
Chế tạo	22,712	22,050	662
Dịch vụ	22,533	22,975	-442

< Xu hướng số người tử vong theo tháng trong lĩnh vực xây dựng (Người)>



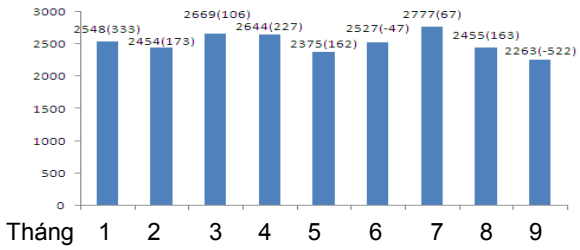
* ( ) Số tăng hoặc giảm so với cùng tháng năm ngoái

❍ **(Lĩnh vực sản xuất)** 'Số người tử vong(22,712 người) từ tháng 1~9 năm 2010 tăng 3,0% so với **cùng kỳ năm ngoái**. Số người tử vong theo tháng(trừ tháng 6) tang từ tháng 1~ tháng 8 so với **cùng kỳ năm ngoái**..

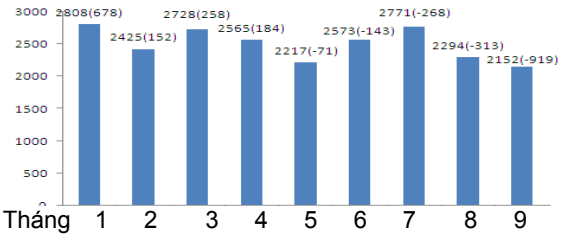
❍ (**Lịch vực xây dựng) Số người bị tai nạn theo tháng** tăng đột biến từ tháng 5 đến tháng 7 và giảm vào tháng 8 và tháng 9, có xu hướng giảm từ tháng 5 so với **cùng kỳ năm ngoái**.

- Số người bị tại nạn tăng từ tháng1～4 so với cùng kỳ năm ngoài và dự định sẽ tăng mạnh do trượt ngã do tuyết và lạnh.

< Xu hướng số người bị tai nạn trong lĩnh vực sản xuất (Người)>



< Xu hướng số người bị tai nạn theo tháng trong lĩnh vực Dịch vụ (Người) >



* ( ) Số tăng hoặc giảm so với cùng tháng năm ngoái.

2 Theo quy mô.

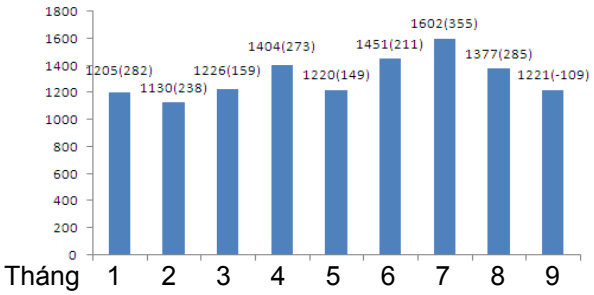
❍ **(5～9 người)** Số người bị tai nạn (11,836 người) từ tháng 1~9 năm 2010 tăng 1,843 người(18,4%) so với **cùng kỳ năm ngoái**. Đây là thời điểm số người tai nạn tăng mạnh.10.

- Số người bị tai nạn theo tháng tiếp tục tăng từ tháng 1 đến tháng 8 và giảm vào tháng 9 **so với cùng kỳ năm ngoái**.

< Hiện trạng số người bị tai nạn theo quy mô (người) >

Theo quy mô			
Phân loại	**9/2010**	**8/2009**	**Tăng giảm**
5-9 người	11,836	9,993	**1,843**
Dưới 5 người	21,036	23,108	-2,072
Trên 300người	4,837	3,597	1,240

< Xu hướng số người tai nạn theo tháng ở cơ sở kinh doanh từ 5~9 người(người) >



* ( ) Số giảm hoặc tăng so với cùng tháng năm ngoái

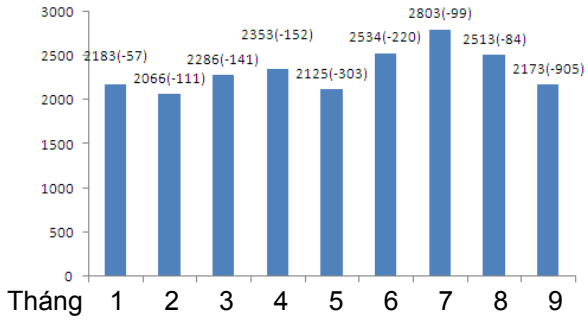
❍ **(Dưới 5 người)** Số người bị tai nạn(21,036 người) từ tháng 1 ~9 năm 2010 giảm 2,173 người(9,0%) so với cùng kỳ năm ngoái và có xu hướng giảm theo tháng so với **cùng tháng năm ngoái**.

- Xu hướng giảm tai nạn được phán đoán là do **giảm tai nạn ở các ngành dịch vụ** chiếm đại đa số ở các cở sở kinh doanh có quy mô trên dưới 5 người.

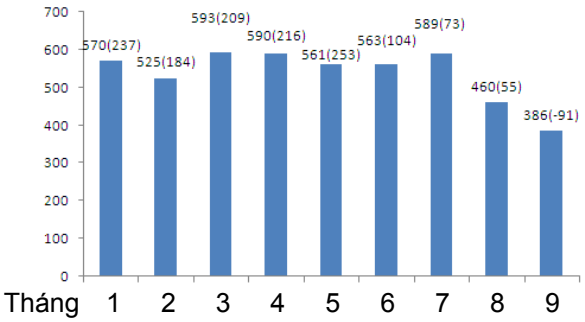
❍ **(Trên 300 người)** 'Số người tại nạn(4,873 người) từ tháng 1~9 năm 2010 tăng 1,240 người(34,5%) so với **cùng kỳ năm ngoái.**

- Số người bị tai nạn theo tháng tăng đột biến cho tới tháng 5 so với **cùng tháng năm ngoài** và bắt đầu giảm từ sau tháng 5,

< Xu hướng số người bị tai nạn theo tháng dưới 5 người (người) >



< Xu hướng số người bị tai nạn theo tháng trên 300 người (người) >



* ( ) Số tăng/ giảm so với cùng tháng năm ngoái

3 Theo từng hình thức

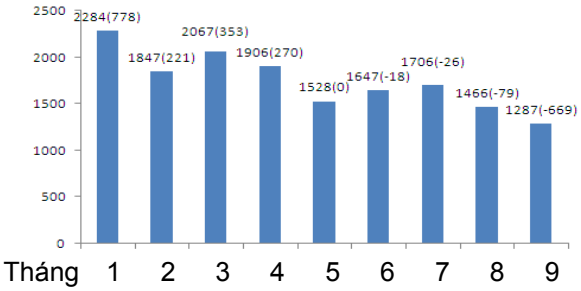
❍ **(Bị ngã)** Số người bị tai nạn(15,738 người) do bị ngã từ tháng 1~9 năm 2010 tăng 830 người(5,6%) so với năm ngoái.10.

- **Số người bị tai nạn do trượt ngã** có xu hướng giảm, tăng đột biến cho tới tháng 4 và giảm 792 người từ sau tháng 5.

< Số người bị tai nạn theo từng loại hình (người) >

Tai nạn theo từng loại hình			
Phân loại	**9/2010**	**9/2009**	**Tăng giảm**
Bị ngã	15,738	14,908	**830**
Bị kẹt	12,343	11,646	697
Bị rơi	10,075	9,836	239

< Xu hướng số người bị tai nạn trượt chân (người) >



* ( ) Số tăng giảm so với cùng tháng năm ngoài

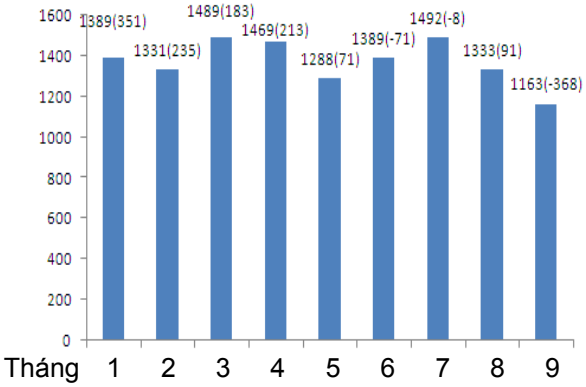
❍ **(Bị mắc kẹt)**Số người bị tai nạn mắc kẹt (12,343 người) từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2010 tăng 697 người(6.0%) so với cùng kỳ năm ngoái.

- Số người bị tai nạn theo tháng so với cùng tháng năm ngoài tăng ngoại trừ tháng 6,7 và tháng 9.

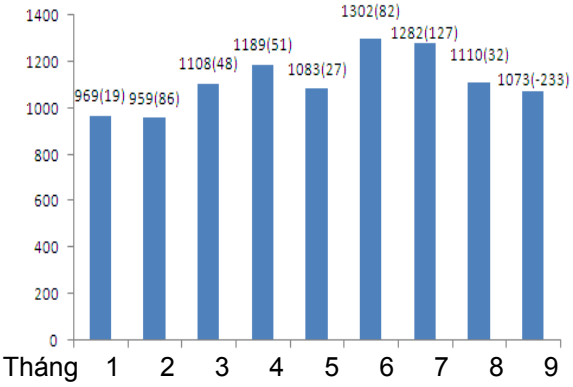
❍ **(Bị rơi) Số người bị tai nạn(10,075 người) do bị ngã từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2010 tăng (2.4%) so với cùng kỳ năm ngoái.**

- Số người bị tai nạn theo tháng so với cùng tháng năm ngoái tăng cho tới tháng 8 và giảm vào tháng 9.

< Xu hướng số người bị tai nạn kẹt theo tháng (người) >



< Xu hướng số người bị tai nạn rơi (người) >



* ( ) Số tăng giảm so với cùng tháng năm ngoái